

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới tại mỏ đất QN03, diện tích 18 ha thuộc phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới tại mỏ đất QN03, diện tích 18 ha thuộc Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM ngày 07/01/2022;*

*Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới tại mỏ đất QN03, diện tích 18 ha thuộc Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 374/BQLGT-ĐHDA2 ngày 02/3/2022 của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 283/TTr-STNMT ngày 18/4/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới tại mỏ đất QN03, diện tích 18 ha thuộc Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2. Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh**

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án (có kèm theo phần Phụ lục) tại trụ sở UBND Phường Bùi Thị Xuân theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Hướng dẫn và giám sát việc thực hiện của các đơn vị khai thác trong quá trình khai thác và vận chuyển đất từ dự án đến công trình theo các nội dung yêu cầu tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban QLDA Giao thông tỉnh;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND Phường Bùi Thị Xuân;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K4, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

## **Phụ lục**

# **CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công Dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới tại mỏ đất QN03, diện tích 18 ha, thuộc Phường Bùi Thị Xuân, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Ban Quản lý Dự án Giao thông tỉnh (Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày            /            /2022 của UBND tỉnh)**

### **1. Thông tin về dự án**

1.1. *Tên dự án:* Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới tại mỏ đất QN03, diện tích 18 ha, thuộc Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. *Địa điểm dự án:* mỏ đất QN03, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. *Chủ đầu tư:* Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh.

1.4. *Địa chỉ liên hệ:* Số 705 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0256.3892.357.

1.5. *Quy mô, công suất khai thác*

- Diện tích dự án: 18 ha, trong đó:

+ Diện tích huy động khai thác: 12,8 ha.

+ Phần diện tích còn lại (5,2 ha) sẽ được khai thác trong trường hợp phần diện tích huy động khai thác (12,8 ha) không cung cấp đủ vật liệu san lấp cho công trình Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới. Trường hợp Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh không có nhu cầu khai thác đối với phần diện tích này sẽ bàn giao cho địa phương quản lý.

- Thời gian khai thác: 02 năm (thực hiện khai thác theo tiến độ thi công dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới.

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00 hàng ngày).

- Trữ lượng khai thác: 820.548 m<sup>3</sup> đất địa chất (tương ứng 1.058.553 m<sup>3</sup> đất nguyên khai).

- Phương pháp khai thác: Chia mỏ làm 03 khoảnh, mỗi khoảnh chia thành 2 khu tương ứng với 2 năm khai thác; mở vỉa khai thác đồng thời tại 03 khu mỗi khoảnh, khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới với chiều sâu khai thác trung bình 6,66m - 6,77m. Kết thúc khai thác, địa hình khu mỏ thoải dần từ trung tâm mỏ về 02 hướng Đông và Tây với cao độ kết thúc thấp nhất +47m. Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m<sup>3</sup>) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về

tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mở khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

#### *1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án*

- Công trình bảo vệ môi trường: 03 hồ lắng 02 ngăn, 02 hố giảm tốc; hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa.

- Tuyến đường tạm trong mỏ, kích thước: dài 728,43 m x rộng 7 m (kết cấu đường đất đầm chặt, có bố trí cống ngầm qua đường, vị trí cắt ngang qua mương thoát nước dọc tuyến đường công vụ).

- Mương rửa bánh xe chở đất ra khỏi mỏ tại vị trí đường ra vào ở phía Đông Nam khu mỏ.

- Sân công nghiệp diện tích khoảng 1.300 m<sup>2</sup> (nằm trong khu vực mỏ) để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

### **2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn khai thác**

#### *2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án*

- Các tác động liên quan đến chất thải: bụi, tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ; nước mưa chảy tràn (lấn bùn đất).

- Các tác động không liên quan đến chất thải: quá trình khai thác gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ; hoạt động khai thác và vận chuyển đất có thể gây ảnh hưởng đến khu vườn Xoài của người dân tại khu vực phía Đông và Đông Nam dự án, nguy cơ hư hỏng tuyến đường bê tông nội bộ Cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân, mất an toàn giao thông.

#### *2.2. Quy mô, tính chất nước thải*

- Nước thải sinh hoạt: khoảng 8,16 m<sup>3</sup>/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 20.396,45 m<sup>3</sup>/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 18 ha).

#### *2.3. Quy mô, tính chất của bụi*

Bụi phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến công trình Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới.

#### *2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường*

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh trung bình khoảng 61,2 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi.

- Bùn đất phát sinh từ quá trình nạo vét hồ lắng, hệ thống mương thu gom, thoát nước và mương rửa bánh xe.

### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực mỏ

- Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã CTNH: 18 02 01): khoảng 40 kg/năm.
- Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06): khoảng 05 kg/năm.

### 2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- a) Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động.
- b) Xử lý nước mưa chảy tràn.

- Mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ, tổng chiều dài khoảng 1.608,58 m (kích thước: đáy lớn 2,2 m x đáy bé 1,7 m x sâu 1,0 m); mương thu gom nước chảy tràn dọc 2 bên tuyến đường mở mỏ, tổng chiều dài khoảng 1.261,43 m (kích thước: đáy lớn 1,2 m x đáy bé 1,0 m x sâu 0,6 m); mương dẫn nước từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận, tổng chiều dài khoảng 337,93 m (kích thước: đáy lớn 2,2 m x đáy bé 1,7 m x sâu 1,0 m). Các mương có kết cấu là mương đất hờ, được gia cố đảm bảo.

- 03 hồ lắng nước mưa chảy tràn, kết cấu là hồ lắng 02 ngăn, được gia cố đảm bảo bằng rọ đá. Nước mưa chảy tràn sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 0,9$  đối với hồ lắng 2, 3; hệ số  $k_q = 0,9$ ;  $k_f = 1,0$  đối với hồ lắng 1).

+ Hồ lắng số 1: phía Đông Nam mỏ (tọa độ: 1.517.073; 599.048), thể tích khoảng 1.125 m<sup>3</sup> (diện tích 375 m<sup>2</sup> x sâu 3 m).

+ Hồ lắng số 2: phía Tây Nam mỏ (tọa độ: 1.517.045; 598.872), thể tích khoảng 900 m<sup>3</sup> (diện tích 300 m<sup>2</sup> x sâu 3 m).

+ Hồ lắng số 3: phía Tây Bắc mỏ (tọa độ: 1.517.536; 598.702), thể tích khoảng 1.020 m<sup>3</sup> (diện tích 340 m<sup>2</sup> x sâu 3 m).

- 02 hồ giảm tốc:

+ Hồ giảm tốc số 1: phía Đông Bắc mỏ (tọa độ: 1.517.603; 599.136), thể tích khoảng 360 m<sup>3</sup> (diện tích 180 m<sup>2</sup> x sâu 2 m).

+ Hồ giảm tốc số 2: phía Tây mỏ (tọa độ: 1.517.309; 598.780), thể tích khoảng 240 m<sup>3</sup> (diện tích 120 m<sup>2</sup> x sâu 2 m).

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông Bắc mỏ → mương thu gom → hồ giảm tốc số 1 → hồ lắng số 1 → mương thoát nước (dài khoảng 46,5 m) → mương thoát nước dọc đường mở mỏ ngoài dự án (dài khoảng 195,43 m) → mương thoát nước hiện trạng dọc Cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông và phía Đông Nam mở → mương thu gom → hồ lắng số 1 → mương thoát nước (dài khoảng 46,5 m) → mương thoát nước dọc đường mở mở ngoài dự án (dài khoảng 195,43 m) → mương thoát nước hiện trạng dọc Cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân.

+ Nước mưa chảy tràn phía Nam và Tây Nam mở → mương thu gom → hồ lắng số 2 → mương thoát nước phía Tây Nam mở (dài khoảng 36 m) → suối Dừa.

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây và phía Tây Bắc mở → mương thu gom → Hồ giảm tốc số 2 → hồ lắng phía số 3 → mương thoát nước (dài khoảng 60 m) → suối Dừa.

### 3.2. Về xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ Dự án đến công trình (đoạn từ Quốc lộ 1A vào dự án và đoạn qua khu dân cư), tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để đất rơi vãi.

- Tạo mương vệ sinh bánh xe tại vị trí tiếp giáp giữa tuyến đường mở mở và tuyến đường hiện trạng của Cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân (kích thước: dài 4 m x rộng 3 m x sâu 0,5 m), thường xuyên nạo vét và bổ sung thêm nước mới để đảm bảo hiệu quả xử lý.

### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí các thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực phụ trợ để thu gom và xử lý theo quy định.

- Thu gom lượng bùn đất phát sinh từ quá trình nạo vét hồ lắng và hệ thống mương thu gom, thoát nước, mương rửa bánh xe; lưu chứa đảm bảo.

### 3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại có dán nhãn và thực hiện lưu chứa và hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

### 3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó; thường xuyên nạo vét hồ lắng và mương thoát nước mưa đảm bảo không gây sa bồi ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực.

- Đào, gia cố các hệ thống mương, hồ lắng thu gom xử lý nước mưa chảy tràn có cuốn theo bùn đất, hạn chế sa bồi thủy phá phía hạ lưu.

### 3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Để hạn chế tối đa các tác động môi trường, Chủ dự án sẽ tiến hành san gạt mặt bằng theo phương án cuốn chiếu, kết thúc khai thác đến đâu sẽ tiến hành san gạt đến đó và tiến hành trồng rừng sau mỗi năm khai thác.

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	12 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi khai thác
2.	San gạt mặt bằng khu vực khai thác	16.200 m <sup>3</sup>	Tạo bề mặt bằng phẳng thoải về hai bên sườn đồi, thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây	Kết thúc khai thác từng khoảnh sẽ tiến hành san gạt.
3.	San lấp mương thoát nước và hồ lắng	9.107,16 m <sup>3</sup>	Trả lại hiện trạng ban đầu	Thực hiện sau khi trồng cây được 03 năm
4.	Tháo dỡ cống thoát nước	8,9 tấn		Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
5.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	40 m <sup>2</sup>		
6.	San gạt tuyến đường mở mỏ, đoạn bên ngoài ranh giới dự án	195,43 m <sup>3</sup>		
7.	Trồng rừng keo lai	18 ha	Phủ xanh khu vực khai thác	Kết thúc khai thác đến đâu sẽ tiến hành san gạt đến đó và trồng rừng sau mỗi năm khai thác
8.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	18 ha	Giám sát độ sâu khai thác	

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường: 1.795.836.000 đồng  
(Một tỷ, bảy trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

+ Lần 1, số tiền: 448.959.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, số tiền: 1.346.877.000 đồng.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2022.

#### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- 03 hồ lắng 02 ngăn; 02 hố giảm tốc; hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án**

5.1. *Giám sát nước thải tại đầu ra 03 hồ lắng với các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng; so sánh với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số kq = 0,9; kf = 0,9 đối với hồ lắng 2, 3; hệ số kq = 0,9; kf = 1,0 đối với hồ lắng 1); tần suất giám sát: 03 tháng/lần.*

5.2. *Giám sát không khí xung quanh: thực hiện giám sát bụi lơ lửng (TSP) tại 01 điểm vị trí kết nối tuyến đường mở mỏ của dự án và tuyến đường hiện trạng Cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.*

5.3. *Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.*

5.4. *Giám sát sự cố sạt lở, sa bồi xuống khu vực hạ lưu Dự án.*